

BẢNG ĐIỂM TỔNG KẾT MÔN HỌC/ MÔ ĐUN

Lớp: **TPL22B10LV** Năm học: **22-23**
Mã MH/MĐ: **MH04134** Học kỳ: **02**
Tên MH/MĐ: **Luật Dân sự và Tổ tụng DS**
Số TC: **4**

STT	MSHS	Họ tên		Ngày sinh	Hệ số 1				Hệ số 2				Thi L1	Thi L2	ĐMH/ MĐ
1	2253801011205	Đặng Văn Bé	Ba	30/04/1989				6	5.0	5.0			6.5		6.0
2	2253801011206	Lê Bình	Chiến	10/04/1990				7	6.5	6.5			4.0	9.0	8.0
3	2253801011207	Trần Ngọc	Diễn	17/01/1984				6	7.0	7.0			5.0		5.7
4	2253801011208	Nguyễn Hoàng	Giang	12/12/1993				6	8.0	8.0			5.0		6.0
5	2253801011209	Trần Nhật	Hào	17/10/1999				6	7.0	7.0			5.0		5.7
6	2253801011210	Nguyễn Thị Mỹ	Hằng	12/03/1987				9	9.0	9.0			8.0		8.4
7	2253801011211	Trần Công	Hậu	19/01/1991				6	6.5	6.5			6.5		6.5
8	2253801011212	Nguyễn Văn	Hết	18/04/1979				7	6.5	6.5			3.5	9.0	8.0
9	2253801011213	Kha Văn	Hòa	08/04/1971				5	8.0	8.0			5.5		6.3
10	2253801011214	Mai Thanh	Hoàng	01/01/1982				8	7.0	7.0			6.0		6.5
11	2253801011215	Nguyễn Thị	Huệ	20/11/1992				7	6.5	6.5			7.0		6.8
12	2253801011217	Huỳnh Văn	Khải	02/08/1992				6	8.5	8.5			8.0		8.0
13	2253801011218	Trần Thị	Liên	23/04/1992				7	8.0	8.0			6.0		6.7
14	2253801011219	Phan Thị	Liễu	10/01/1984				6.5	6.5	6.5			6.5		6.5
15	2253801011220	Nguyễn Huy	Long	02/03/1988				9	9.0	9.0			8.0		8.4
16	2253801011221	Trần Văn	Ngà	30/04/1989				6.5	6.5	6.5			6.0		6.2
17	2253801011222	Nguyễn Thị Thảo	Ngân	28/12/1993				7.5	6.0	6.0			7.0		6.7
18	2253801011225	Lê Văn	Quý	21/09/1974				5.5	5.0	5.0			5.5		5.3
19	2253801011226	Trần Hữu	Sang	19/01/1989				6	6.5	6.5			6.0		6.2

Châu Đốc, ngày 4 tháng 5 năm 2024

TP. Đào tạo

Giáo viên giảng dạy

Ths. Trần Thanh Dũng

Thạch Bền